

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: **03/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 04/01/2018

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con và cấp dưỡng”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quang Toại.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Tấn Ba;

2. Bà Nguyễn Thị Tố Nga.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Tấn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày **04** tháng **01** năm **2018**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2017/TLST – HNGĐ ngày **13** tháng **11** năm 2017 về việc: *“ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1995; Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm LN, thôn NH 2, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Xóm ĐT, thôn 2, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Bị đơn:** Anh Trần Tấn V, sinh năm 1992; vắng mặt có lý do theo đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 23/11/2017.

Nơi cư trú: Xóm LN, thôn NH 2, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện ghi ngày 13/11/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, chị Nguyễn Thị Kim P trình bày và yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh V tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 14/10/2014. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ ruột của anh V tại xã T, huyện S. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ tháng 6/2015 đến nay chị P đã bỏ về sống tại nhà mẹ đẻ ở xã H, huyện S. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V thường xuyên đi chơi về khuya, không lo làm ăn, không đưa tiền để cho chị P nuôi con, cuộc sống vợ chồng rất ngột ngạt, vợ chồng thường hay cãi nhau. Sau khi chị về nhà mẹ đẻ ở thì giữa chị và anh V cũng không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau. Anh V cũng như gia đình anh không quan tâm, chăm sóc đến mẹ con chị. Nay chị P xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng đã không còn liên lạc, nói chuyện với nhau hơn hai năm nay, chị không còn tình cảm với anh V, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Tấn V.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim P xác định vợ chồng có một con chung là: Trần Nhật Q, sinh ngày 22/01/2015 đang ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Nhật Q, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng (*một triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Về công việc và thu nhập: Chị Nguyễn Thị Kim P làm công nhân may tại Công ty M, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 4.500.000đồng.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Kim P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không sửa đổi, bổ sung hay rút yêu cầu khởi kiện nào. Ngoài ra, chị P trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như sau: Anh V đòi chị đưa số vàng hai bên gia đình cho lúc đám cưới để anh tiêu xài cá nhân nên hai bên cãi nhau. Anh V có đánh chị (tát tai), đòi xé giấy đăng ký kết hôn, đòi ly hôn, đuổi chị về nhà mẹ đẻ, vì chị không đưa vàng cho anh tiêu xài. Anh hay đi chơi về khuya, không lo chăm sóc vợ, con và chị nghi ngờ anh ngoại tình. Hai bên gia đình mâu thuẫn, không hòa thuận, không tôn trọng, xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng không còn sống chung thời gian dài, từ tháng 6/2015 đến nay, khi chị nuôi con nhỏ thì anh V không quan tâm, chăm sóc, trông nom con chung, không động viên, an ủi, không chu cấp tiền để chị nuôi con.

Ngoài ra, chị P không trình bày gì thêm.

Ý kiến đề nghị, lập luận của bị đơn anh Trần Tấn V tại bản tự khai ghi ngày 23/11/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Tấn V thống nhất về thời gian kết hôn, thời gian chung sống như chị P trình bày trên là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh V cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh không phải do anh không lo làm ăn mà là vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, như việc chị P về nhà mẹ đẻ ở nhiều ngày mà không hỏi ý kiến của anh, chị P hay nghe theo ý kiến của mẹ ruột. Khi chị P bỏ về nhà mẹ đẻ, anh có đến nhà mẹ chị P để chờ về nhưng chị không chịu. Mẹ chị P không khuyên nhủ con anh mà còn la chửi anh. Anh V đã khuyên chị P quay về sống chung nhưng không được, vì sợ bị mẹ vợ chửi nên sau khi đến nhà mẹ chị P vài lần thì không lên nữa. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 6/2015 đến nay. Trong thời gian vợ chồng không còn sống chung, vì không có điều kiện, đi làm xa không có thời gian đi lại thăm hỏi, động viên chị P và con chung, có vài lần anh nhắn tin qua điện thoại để hỏi thăm nhưng P không trả lời nên anh không hỏi thăm nữa. Anh có vài lần mua quà cho con nhưng chị P trả lại không nhận và không liên lạc với anh. Nay chị P yêu cầu ly hôn, anh V không đồng ý, với lý do: Tuy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không còn sống chung đã lâu, nhưng vì con, hơn nữa anh vẫn còn tình cảm và thương yêu chị P.

Về con chung: Anh V xác định vợ chồng có một con chung là: Trần Nhật Q, sinh ngày 22/01/2015 đang ở với chị P. Khi ly hôn, anh V yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Về công việc và thu nhập: Anh V làm rẫy cà phê của gia đình và làm thêm thợ xây nhà, thu nhập mỗi tháng 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*). Vì làm nghề tự do nên không có tài liệu, chứng cứ để nộp cho Tòa án.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 23/11/2017 gửi đến Tòa án cùng ngày 23/11/2017, anh V giữ nguyên nội dung trình bày, yêu cầu vắng mặt trong các phiên tòa xét xử trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Ngoài ra, anh V không trình bày gì thêm.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Tấn V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên

căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim P.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Nhật Q, sinh ngày 22/01/2015 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh V cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng do Hội đồng xét xử quyết định.

Về tài sản chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

Chị Nguyễn Thị Kim P và anh Trần Tấn V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Trần Tấn V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] *Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phản hồi của bị đơn:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Kim P và anh Trần Tấn V có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Vợ chồng chị P, anh V mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không cùng quan điểm sống, không có sự đồng cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Từ tháng 6 năm 2015 đến nay, vợ chồng không còn sống chung hơn hai năm nay, không quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau, chị P không còn tình cảm với anh V.

Trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Sơn về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, đã đủ căn cứ xác định, chị P và anh V đã vi phạm về tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và Gia đình như: Không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ khó khăn, công việc, không còn chung sống thời

gian dài (02 năm) nên dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P, cho chị P được ly hôn với anh V.

[2.2] *Về nuôi con sau khi ly hôn:* Chị Nguyễn Thị Kim P và anh Trần Tấn V Như đều công nhận anh, chị có 01 (một) con chung trong thời kỳ hôn nhân như nêu trên. Sau khi ly hôn, cả chị P và anh V đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Nhật Q, sinh ngày 22/01/2015.

Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu Q dưới 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình “*con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Chị P đã nuôi con từ lúc sinh ra cho đến nay, đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên chấp nhận yêu cầu của chị P giao cháu Trần Nhật Q cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh V được trực tiếp nuôi cháu Q.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn:* Xét thấy điều kiện công việc của anh Trần Tấn V có thu nhập ổn định nên chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị P. Xét mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng (*một triệu đồng*) như chị P yêu cầu: Anh V có khả năng lao động, có thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng, mức cấp dưỡng 1.000.000đồng (*một triệu đồng*) là phù hợp với thu nhập của anh V và nhu cầu thực tế nuôi con trên địa bàn nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử buộc anh Trần Tấn V phải cấp dưỡng cho chị P nuôi cháu Trần Nhật Q, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2018 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

[2.4] *Về tài sản chung:* Chị P và anh V xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5] *Về nợ chung:* Chị P và anh V xác định không nợ ai và cũng không có ai nợ anh, chị nên không xem xét.

[3] *Về án phí:* Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng chị được khấu trừ xong số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng. Anh Trần Tấn V phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

[4] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên:* Về đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn, về giao nuôi con chung chưa thành niên, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn và nghĩa vụ chịu án phí là phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

Khoản 1, khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 267, khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 69, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Kim P được ly hôn với anh Trần Tấn V.

2.2. *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Kim P và anh Trần Tấn V xác định có một con chung là: Trần Nhật Q, sinh ngày 22/01/2015 đang ở với chị P.

2.2.1. *Về giao nuôi con:* Giao cho chị Nguyễn Thị Kim P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Nhật Q, sinh ngày 22/01/2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

2.2.2. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Buộc anh Trần Tấn V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Nguyễn Thị Kim P nuôi cháu Trần Nhật Q, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là: **1.000.000đồng** (một triệu đồng chẵn), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2018 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

2.3. *Về tài sản chung:* Chị P và anh V xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2.4. *Về nợ chung:* Chị P và anh V xác định không nợ ai và cũng không có ai nợ anh, chị nên không xem xét, giải quyết.

2.5. Về án phí:

2.5.1. Chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng chị được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2014/0002396 ngày 13/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2.5.2. Anh Trần Tấn V phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

2.6. Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án dân sự chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự 2008, các Điều 7, 7a, 7b của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự 2008.

2.8. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim P được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 04/01/2018). Đối với anh Trần Tấn V được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Quang Toại